

**DANH SÁCH HỌC BỔNG, HỌC PHÍ SINH VIÊN KHÓA 2011  
HỌC KỲ 1, NĂM HỌC 2012-2013**

TT	Mã SV	Họ	tên	Ngày sinh	Lớp	HP học kỳ (đ)	Học bổng (đ)	Học phí bổ sung (đ)	Ghi chú
1	1154020322	Trịnh Trần Nhã	Trân	180293	KT11DB01	6,420,000	6,420,000	ko đóng HP	HB 100%
2	1154040399	Lê Hồng	Nhung	90193	KT11DB01	6,420,000	6,420,000	ko đóng HP	HB 100%
3	1154040395	Trần Thị Lan	Nhi	100593	KT11DB01	6,420,000	3,210,000	3,210,000	HB 50%
4	1154040499	Nguyễn Hoàng Kim	Thảo	10293	KT11DB01	6,420,000	3,210,000	3,210,000	HB 50%
5	1154040465	Bùi Thị Như	Quỳnh	41293	KT11DB01	6,420,000	3,210,000	3,210,000	HB 50%
6	1154040610	Nguyễn Ngọc	Trâm	271193	KT11DB01	6,420,000	3,210,000	3,210,000	HB 50%
7	1154040080	Trần Thị Mỹ	Dung	200593	KT11DB01	6,420,000	3,210,000	3,210,000	HB 50%
8	1154040650	Trần Thị Bích	Tuyền	90993	KT11DB01	6,420,000	3,210,000	3,210,000	HB 50%
9	1154040454	Phạm Nhật	Quang	110293	KT11DB01	6,420,000	3,210,000	3,210,000	HB 50%
10	1154040659	Ngô Văn	Tường	10193	KT11DB01	6,420,000	3,210,000	3,210,000	HB 50%
11	1154040491	Lê Minh	Thành	51293	KT11DB01	6,420,000	3,210,000	3,210,000	HB 50%
12	1154040088	Lê Ngọc Mỹ	Duyên	111193	KT11DB01	6,420,000	3,210,000	3,210,000	HB 50%
13	1154040180	Lê Ngọc Minh	Hoàng	270193	KT11DB01	6,420,000	3,210,000	3,210,000	HB 50%
14	1154040525	Trần Diễm	Thơ	151293	KT11DB01	6,420,000	1,605,000	4,815,000	HB 25%
15	1154040034	Võ Thiên	Ân	220992	KT11DB01	6,420,000	1,605,000	4,815,000	HB 25%
16	1154040094	Nguyễn Thị Mỹ	Duyên	71193	KT11DB01	6,420,000	1,605,000	4,815,000	HB 25%
17	1154040314	Nguyễn Thị Sao	Mai	130693	KT11DB01	6,420,000	1,605,000	4,815,000	HB 25%
18	1154040126	Trần Nguyễn Hải	Hà	280793	KT11DB01	6,420,000	1,605,000	4,815,000	HB 25%
19	1154040327	Lê Hoàng	My	40793	KT11DB01	6,420,000	1,605,000	4,815,000	HB 25%
20	1154040485	Trần Nguyễn Thiên	Thanh	141193	KT11DB01	6,420,000	1,605,000	4,815,000	HB 25%
21	1154040250	Phạm Hoàng Anh	Kiệt	301293	KT11DB01	6,420,000	1,605,000	4,815,000	HB 25%
22	1154060129	Nguyễn Đình Bảo Tú	Huỳnh	101193	KT11DB01	6,420,000	1,605,000	4,815,000	HB 25%
23	1154040137	Phạm Thị Mỹ	Hạnh	281193	KT11DB01	6,420,000	1,605,000	4,815,000	HB 25%
24	1154040549	Đỗ Nguyễn Hoàng	Thư	180793	KT11DB01	6,420,000	1,605,000	4,815,000	HB 25%
25	1154040655	Ngô Thị Anh	Tú	100493	KT11DB01	6,420,000	1,605,000	4,815,000	HB 25%
26	1154040046	Nguyễn Thị Lệ	Chi	201193	KT11DB01	6,420,000	1,605,000	4,815,000	HB 25%
27	1154040457	Phan Thị Ngọc	Quý	171193	KT11DB01	6,420,000	1,605,000	4,815,000	HB 25%
28	1154040528	Trần Ngọc Minh	Thu	310893	KT11DB01	6,420,000	1,605,000	4,815,000	HB 25%
29	1154040337	Trịnh Quốc	Nam	50193	KT11DB01	6,420,000	1,605,000	4,815,000	HB 25%
30	1154040689	Ngô Anh	Vũ	200693	KT11DB01	6,420,000	1,605,000	4,815,000	HB 25%
31	1154040357	Nguyễn Tuấn	Nghĩa	241193	KT11DB01	6,420,000	1,605,000	4,815,000	HB 25%
32	1154020330	Nguyễn Lê Công	Trí	20893	KT11DB01	6,420,000	1,605,000	4,815,000	HB 25%
33	1154040099	Võ Thị Anh	Đào	71293	KT11DB01	6,420,000	1,605,000	4,815,000	HB 25%
34	1154040100	Nguyễn Hoàng	Đạt	90693	KT11DB01	6,420,000	1,605,000	4,815,000	HB 25%
35	1154040220	Trần Việt	Hùng	20893	KT11DB01	6,420,000	1,605,000	4,815,000	HB 25%
36	1154040356	Võ Hoàng Thiên	Ngân	141293	KT11DB01	6,420,000		6,420,000	
37	1154040388	Nguyễn ý	Nhi	220692	KT11DB01	6,420,000		6,420,000	
38	1154040004	Mai Thùy	An	30593	KT11DB01	6,420,000		6,420,000	
39	1154040229	Nguyễn Thị Quỳnh	Hương	180393	KT11DB01	6,420,000		6,420,000	
40	1154040387	Nguyễn Thụy Khả	Nhi	90893	KT11DB01	6,420,000		6,420,000	

41	1154040668	Lê Thị Thùy	Vân	311293	KT11DB01	6,420,000		6,420,000	
42	1154060231	Đặng Ngọc	Như	250693	KT11DB01	6,420,000		6,420,000	
43	1154040509	Trần Quang	Thảo	121093	KT11DB01	6,420,000		6,420,000	
44	1154040582	Đinh Thị Tô	Trang	230693	KT11DB01	6,420,000		6,420,000	
45	1154060140	Phạm Thanh	Hương	230393	KT11DB01	6,420,000		6,420,000	
46	1154040554	Nguyễn Ngọc Anh	Thư	200893	KT11DB01	6,420,000		6,420,000	
47	1154040019	Nguyễn Nam	Anh	141093	KT11DB01	6,420,000		6,420,000	
48	1154040021	Nguyễn Thị Phúc	Anh	51092	KT11DB01	6,420,000		6,420,000	
49	1154060076	Lê Thị Thu	Hà	161293	KT11DB01	6,420,000		6,420,000	
50	1154040308	Nguyễn Thị Thảo	Ly	201192	KT11DB01	6,420,000		6,420,000	
51	1154040353	Thái Đông Kim	Ngân	151193	KT11DB01	6,420,000		6,420,000	
52	1154040309	Nguyễn Thị	Lý	10793	KT11DB01	6,420,000		6,420,000	
53	1154040409	Nguyễn Ngọc Thảo	Như	170493	KT11DB01	6,420,000		6,420,000	
54	1154040380	Phan Trung	Nhật	90993	KT11DB01	6,420,000		6,420,000	
55	1154040130	Võ Lê Nhật Anh	Hào	301093	KT11DB01	6,420,000		6,420,000	
1	1154010218	Hồ Thị Ngọc	Huyền	281292	MK11DB01	6,420,000	6,420,000		HB 100%
2	1154060213	Trần Như Khôi	Nguyên	120788	MK11DB01	6,420,000	6,420,000		HB 100%
3	1154010671	Cao Thị Thùy	Trinh	260493	MK11DB01	6,420,000	3,210,000	3,210,000	HB 50%
4	1154010709	Ngô Thanh	Tuyền	41193	MK11DB01	6,420,000	3,210,000	3,210,000	HB 50%
5	1154010356	Nguyễn Thị Mỹ	Ngọc	201193	MK11DB01	6,420,000	3,210,000	3,210,000	HB 50%
6	1154010612	Vy Thu Thùy	Tiên	51293	MK11DB01	6,420,000	3,210,000	3,210,000	HB 50%
7	1154010355	Nguyễn Như	Ngọc	290693	MK11DB01	6,420,000	3,210,000	3,210,000	HB 50%
8	1154010138	Nguyễn Quang	Hải	170793	MK11DB01	6,420,000	3,210,000	3,210,000	HB 50%
9	1154060198	Nguyễn Thị Quỳnh	Nga	70293	MK11DB01	6,420,000	3,210,000	3,210,000	HB 50%
10	1154020364	Hồ Thị Hải	Yên	301193	MK11DB01	6,420,000	3,210,000	3,210,000	HB 50%
11	1154010344	Khuru Huệ	Nghi	40693	MK11DB01	6,420,000	3,210,000	3,210,000	HB 50%
12	1154010282	Nguyễn Thị Ngọc	Linh	290193	MK11DB01	6,420,000	3,210,000	3,210,000	HB 50%
13	1154010401	Nguyễn Hoàng Quỳnh	Như	290393	MK11DB01	6,420,000	1,605,000	4,815,000	HB 25%
14	1154010115	Nguyễn Tấn	Đạt	131193	MK11DB01	6,420,000	1,605,000	4,815,000	HB 25%
15	1154010059	Đinh Ngọc	Diễm	61193	MK11DB01	6,420,000	1,605,000	4,815,000	HB 25%
16	1154010732	Trần Thảo	Uyên	100593	MK11DB01	6,420,000	1,605,000	4,815,000	HB 25%
17	1154010134	Lê Nguyễn Thanh	Hà	70293	MK11DB01	6,420,000	1,605,000	4,815,000	HB 25%
18	1154010464	Võ Thị Ngọc	Quý	11293	MK11DB01	6,420,000	1,605,000	4,815,000	HB 25%
19	1154010537	Phạm Thị Thanh	Thảo	141193	MK11DB01	6,420,000	1,605,000	4,815,000	HB 25%
20	1154010662	Ngô Thái Bảo	Trần	211193	MK11DB01	6,420,000	1,605,000	4,815,000	HB 25%
21	1154010595	Lương Thị	Thùy	200292	MK11DB01	6,420,000	1,605,000	4,815,000	HB 25%
22	1154020011	Nguyễn Vân	Anh	300893	MK11DB01	6,420,000	1,605,000	4,815,000	HB 25%
23	1154010024	Nguyễn Vũ	Ân	270193	MK11DB01	6,420,000	1,605,000	4,815,000	HB 25%
24	1154010721	Lê Anh	Tú	110193	MK11DB01	6,420,000	1,605,000	4,815,000	HB 25%
25	1154040073	Nguyễn Thị Thùy	Dung	190893	MK11DB01	6,420,000	1,605,000	4,815,000	HB 25%
26	1154010515	Từ Cẩm	Thái	160693	MK11DB01	6,420,000	1,605,000	4,815,000	HB 25%
27	1154060390	Nguyễn Như Hải	Bình	130893	MK11DB01	6,420,000	1,605,000	4,815,000	HB 25%
28	1154010620	Lê Quang	Tín	130893	MK11DB01	6,420,000	1,605,000	4,815,000	HB 25%
29	1154040455	Phạm Xuân	Quang	281293	MK11DB01	6,420,000	1,605,000	4,815,000	HB 25%
30	1154010119	Nguyễn Trần Hải	Đặng	140993	MK11DB01	6,420,000	1,605,000	4,815,000	HB 25%
31	1154020093	Phan Thế	Hội	100293	MK11DB01	6,420,000	1,605,000	4,815,000	HB 25%
32	1154020269	Đặng Ngọc	Thuyền	160192	MK11DB01	6,420,000		6,420,000	

33	1154010629	Lê Ngọc Thùy	Trang	170192	MK11DB01	6,420,000		6,420,000	
34	1154010266	Phạm Thị	Lệ	201193	MK11DB01	6,420,000		6,420,000	
35	1154010727	Nguyễn Vũ	Tùng	200893	MK11DB01	6,420,000		6,420,000	
36	1154010242	Phan Thùy	Khanh	80193	MK11DB01	6,420,000		6,420,000	
37	1154010476	Võ Thị Minh	Sa	31093	MK11DB01	6,420,000		6,420,000	
38	1154010679	Nguyễn Thị Ngọc	Trình	70793	MK11DB01	6,420,000		6,420,000	
39	1154010395	Nguyễn Thị Hồng	Nhung	290593	MK11DB01	6,420,000		6,420,000	
40	1154010363	Trương Mỹ	Ngọc	160393	MK11DB01	6,420,000		6,420,000	
41	1154060162	Nguyễn Thị Thúy	Linh	50693	MK11DB01	6,420,000		6,420,000	
42	1154010708	Đào Thị Thanh	Tuyền	180493	MK11DB01	6,420,000		6,420,000	
43	1154040096	Trương Thị Ánh	Duyên	180693	MK11DB01	6,420,000		6,420,000	
44	1154010146	Lê Công	Hạnh	260393	MK11DB01	6,420,000		6,420,000	
45	1154010689	Trần Hoàng	Trọng	180293	MK11DB01	6,420,000		6,420,000	
46	1154020087	Lưu Ngọc	Hoàng	280793	MK11DB01	6,420,000		6,420,000	
47	1154010204	Lê Ngọc	Hòa	260493	MK11DB01	6,420,000		6,420,000	
48	1154010551	Đỗ Đức	Thắng	260193	MK11DB01	6,420,000		6,420,000	
49	1154010081	Lê Thanh	Duy	60893	MK11DB01	6,420,000		6,420,000	
1	1154030141	Đặng Hữu	Hòa	270293	NH11DB01	6,420,000	6,420,000		HB 100%
2	1154010500	Lê Ngọc Duy	Tân	140893	NH11DB01	6,420,000	6,420,000		HB 100%
3	1154030042	Nguyễn Thị Bách	Diệp	300593	NH11DB01	6,420,000	3,210,000	3,210,000	HB 50%
4	1154030434	Phan Kiều	Tâm	21092	NH11DB01	6,420,000	3,210,000	3,210,000	HB 50%
5	1154030338	Huỳnh Tú	Nhi	290693	NH11DB01	6,420,000	3,210,000	3,210,000	HB 50%
6	1154030191	Nguyễn Kiều	Khanh	190893	NH11DB01	6,420,000	3,210,000	3,210,000	HB 50%
7	1154040634	Thân Tiếng	Trung	151093	NH11DB01	6,420,000	3,210,000	3,210,000	HB 50%
8	1154010211	Lê Kim	Hợp	81093	NH11DB01	6,420,000	3,210,000	3,210,000	HB 50%
9	1154030316	Trà Thị Thu	Ngọc	100593	NH11DB01	6,420,000	3,210,000	3,210,000	HB 50%
10	1154010436	Phạm Thị Diễm	Phúc	60893	NH11DB01	6,420,000	3,210,000	3,210,000	HB 50%
11	1154030464	Nguyễn Thị Phương	Thảo	260893	NH11DB01	6,420,000	3,210,000	3,210,000	HB 50%
12	1154030066	Nguyễn Thị Thùy	Dương	280593	NH11DB01	6,420,000	3,210,000	3,210,000	HB 50%
13	1154010231	Nguyễn Thị Quỳnh	Hương	290393	NH11DB01	6,420,000	3,210,000	3,210,000	HB 50%
14	1154030005	Bùi Quang	Anh	10593	NH11DB01	6,420,000	3,210,000	3,210,000	HB 50%
15	1154020009	Nguyễn Thị Xuân	Anh	191293	NH11DB01	6,420,000	1,605,000	4,815,000	HB 25%
16	1154030071	Trần Đình Hương	Dương	50293	NH11DB01	6,420,000	1,605,000	4,815,000	HB 25%
17	1154030649	Trần Thị Bích	Viên	160493	NH11DB01	6,420,000	1,605,000	4,815,000	HB 25%
18	1154030615	Ngô Duy	Tùng	260893	NH11DB01	6,420,000	1,605,000	4,815,000	HB 25%
19	1154030631	Phan Trần Kim	Uyên	150193	NH11DB01	6,420,000	1,605,000	4,815,000	HB 25%
20	1154030164	Võ Huỳnh Nhật	Huy	10993	NH11DB01	6,420,000	1,605,000	4,815,000	HB 25%
21	1154030461	Lê Tiêu	Thảo	200292	NH11DB01	6,420,000	1,605,000	4,815,000	HB 25%
22	1154030235	Phạm Nguyễn Diệu	Linh	190893	NH11DB01	6,420,000	1,605,000	4,815,000	HB 25%
23	1154010608	Lê Thị Quỳnh	Tiên	70693	NH11DB01	6,420,000	1,605,000	4,815,000	HB 25%
24	1154030410	Trương Thúy	Quyên	30993	NH11DB01	6,420,000	1,605,000	4,815,000	HB 25%
25	1154040268	Trần Thị	Lệ	200692	NH11DB01	6,420,000	1,605,000	4,815,000	HB 25%
26	1154020210	Đỗ Anh	Phương	10793	NH11DB01	6,420,000	1,605,000	4,815,000	HB 25%
27	1154010576	Trịnh Lê Hoài	Thu	230993	NH11DB01	6,420,000	1,605,000	4,815,000	HB 25%
28	1154020213	Phan Nữ Hoàng	Phương	220993	NH11DB01	6,420,000	1,605,000	4,815,000	HB 25%
29	1154030113	Bùi Thị	Hằng	60593	NH11DB01	6,420,000	1,605,000	4,815,000	HB 25%
30	1154030249	Nguyễn Thị Mỹ	Lộc	230793	NH11DB01	6,420,000	1,605,000	4,815,000	HB 25%

31	1154030231	Nguyễn Thị ái	Linh	81093	NH11DB01	6,420,000	1,605,000	4,815,000	HB 25%
32	1154030526	Văn Nguyễn Yên	Thy	71293	NH11DB01	6,420,000	1,605,000	4,815,000	HB 25%
33	1154030680	Võ Thị Tường	Vân	220893	NH11DB01	6,420,000	1,605,000	4,815,000	HB 25%
34	1154010188	Trịnh Huệ	Hoà	170793	NH11DB01	6,420,000	1,605,000	4,815,000	HB 25%
35	1154030296	Nguyễn Kim	Ngân	310593	NH11DB01	6,420,000	1,605,000	4,815,000	HB 25%
36	1154030055	Đặng Thành	Duy	80993	NH11DB01	6,420,000		6,420,000	
37	1154060079	Nguyễn Hữu	Hà	170493	NH11DB01	6,420,000		6,420,000	
38	1154020301	Nguyễn Thị Ngọc	Trang	40793	NH11DB01	6,420,000		6,420,000	
39	1154020081	Đỗ Thị Diệu	Hiền	190793	NH11DB01	6,420,000		6,420,000	
40	1154020036	Ngô Thị Thùy	Dung	200893	NH11DB01	6,420,000		6,420,000	
41	1154030371	Trần Thăng	Phong	160193	NH11DB01	6,420,000		6,420,000	
42	1154030069	Phan Thùy	Dương	20592	NH11DB01	6,420,000		6,420,000	
43	1154030289	Nguyễn Văn Thanh	Nam	251193	NH11DB01	6,420,000		6,420,000	
44	1154010518	Nguyễn Quang	Thành	30293	NH11DB01	6,420,000		6,420,000	
45	1154020179	Võ Thị Thanh	Nguyên	121293	NH11DB01	6,420,000		6,420,000	
46	1154030427	Lục Thanh	Tài	71293	NH11DB01	6,420,000		6,420,000	
47	1154030305	Nguyễn Trọng	Nghĩa	40693	NH11DB01	6,420,000		6,420,000	
48	1154020158	Trần Quốc Linh	Mỹ	140493	NH11DB01	6,420,000		6,420,000	
49	1154030158	Nguyễn Đức	Huy	220693	NH11DB01	6,420,000		6,420,000	
50	1154030359	Trần Lê Minh	Nhật	230793	NH11DB01	6,420,000		6,420,000	
51	1154060378	Tô Thanh	Vy	280493	NH11DB01	6,420,000		6,420,000	
52	1154020025	Võ Y	Cương	90193	NH11DB01	6,420,000		6,420,000	
53	1154030356	Nguyễn Thị Quế	Như	291093	NH11DB01	6,420,000		6,420,000	
54	1154030441	Nguyễn Nam	Thanh	21293	NH11DB01	6,420,000		6,420,000	
1	1154030656	Nguyễn Thủy Nhật	Vy	271193	NH11DB02	6,420,000	6,420,000		HB 100%
2	1154030339	Lâm Thị Kim	Nhi	180493	NH11DB02	6,420,000	6,420,000		HB 100%
3	1154030291	Nguyễn Ngọc Vân	Nga	51193	NH11DB02	6,420,000	3,210,000	3,210,000	HB 50%
4	1154040468	Trần Ngọc	Quỳnh	120893	NH11DB02	6,420,000	3,210,000	3,210,000	HB 50%
5	1154030049	Nguyễn Hoài	Dung	20493	NH11DB02	6,420,000	3,210,000	3,210,000	HB 50%
6	1154040068	Lại Phương	Dung	210793	NH11DB02	6,420,000	3,210,000	3,210,000	HB 50%
7	1154030322	Đỗ Nguyễn Thùy	Nguyên	240193	NH11DB02	6,420,000	3,210,000	3,210,000	HB 50%
8	1154040044	Nguyễn Thủy Minh	Châu	90293	NH11DB02	6,420,000	3,210,000	3,210,000	HB 50%
9	1154030395	Trần Thị Bích	Phượng	10293	NH11DB02	6,420,000	3,210,000	3,210,000	HB 50%
10	1154030037	Nguyễn Thành	Công	50393	NH11DB02	6,420,000	3,210,000	3,210,000	HB 50%
11	1154040075	Nguyễn Trần Hạnh	Dung	70693	NH11DB02	6,420,000	3,210,000	3,210,000	HB 50%
12	1154030477	Vũ Thị Thanh	Thảo	100193	NH11DB02	6,420,000	1,605,000	4,815,000	HB 25%
13	1154010383	Nguyễn Thị Kiều	Nhi	151192	NH11DB02	6,420,000	1,605,000	4,815,000	HB 25%
14	1154030221	Nguyễn Thùy	Liên	250793	NH11DB02	6,420,000	1,605,000	4,815,000	HB 25%
15	1154030607	Huỳnh Oanh	Tuyết	100493	NH11DB02	6,420,000	1,605,000	4,815,000	HB 25%
16	1154030358	Trần Thanh Quỳnh	Như	111193	NH11DB02	6,420,000	1,605,000	4,815,000	HB 25%
17	1154040574	Nguyễn Võ Thủy	Tiên	301193	NH11DB02	6,420,000	1,605,000	4,815,000	HB 25%
18	1154020343	Nguyễn ánh	Tuyết	10793	NH11DB02	6,420,000	1,605,000	4,815,000	HB 25%
19	1154010783	Trương Ngọc Minh	Châu	10193	NH11DB02	6,420,000	1,605,000	4,815,000	HB 25%
20	1154030594	Phạm Mộng	Trúc	71193	NH11DB02	6,420,000	1,605,000	4,815,000	HB 25%
21	1154030196	Đỗ Văn	Khiêm	130393	NH11DB02	6,420,000	1,605,000	4,815,000	HB 25%
22	1154040370	Nguyễn Lục Thảo	Nguyên	201293	NH11DB02	6,420,000	1,605,000	4,815,000	HB 25%
23	1154030406	Tô Thị Diệu	Quyên	130893	NH11DB02	6,420,000	1,605,000	4,815,000	HB 25%

24	1154040663	Hà Triều	Uyên	81193	NH11DB02	6,420,000	1,605,000	4,815,000	HB 25%
25	1154030095	Lê Thị Khánh	Hà	240793	NH11DB02	6,420,000	1,605,000	4,815,000	HB 25%
26	1154030595	Trần Thanh	Trúc	220593	NH11DB02	6,420,000	1,605,000	4,815,000	HB 25%
27	1154030407	Trần Thanh Nhã	Quyên	160793	NH11DB02	6,420,000	1,605,000	4,815,000	HB 25%
28	1154030565	Đồ Thị Bảo	Trần	40492	NH11DB02	6,420,000	1,605,000	4,815,000	HB 25%
29	1154010777	Nguyễn Hải	Yên	100393	NH11DB02	6,420,000	1,605,000	4,815,000	HB 25%
30	1154030463	Nguyễn Phạm Phương	Thảo	201193	NH11DB02	6,420,000	1,605,000	4,815,000	HB 25%
31	1154030080	Nguyễn Ngọc	Định	250893	NH11DB02	6,420,000	1,605,000	4,815,000	HB 25%
32	1154030583	Nguyễn Quốc	Trí	91292	NH11DB02	6,420,000		6,420,000	
33	1154020211	Nguyễn Hoàng Minh	Phương	241293	NH11DB02	6,420,000		6,420,000	
34	1154040459	Lê Thị Hoàng	Quyên	50993	NH11DB02	6,420,000		6,420,000	
35	1154020054	Võ Nguyễn Hoàng	Gia	100593	NH11DB02	6,420,000		6,420,000	
36	1154030250	Nguyễn Xuân	Lộc	11293	NH11DB02	6,420,000		6,420,000	
37	1154020175	Nguyễn Thị Diễm	Ngọc	150293	NH11DB02	6,420,000		6,420,000	
38	1154030311	Huỳnh Thế	Ngọc	10792	NH11DB02	6,420,000		6,420,000	
39	1154060360	Đỗ Thanh	Tùng	41193	NH11DB02	6,420,000		6,420,000	
40	1154030588	Nguyễn Vũ Hoàng	Trung	100692	NH11DB02	6,420,000		6,420,000	
41	1154010157	Trần Ngọc	Hằng	141293	NH11DB02	6,420,000		6,420,000	
42	1154060066	Lê Tiến	Đạt	71093	NH11DB02	6,420,000		6,420,000	
43	1154030655	Nguyễn Thảo	Vy	280293	NH11DB02	6,420,000		6,420,000	
44	1154020195	Ngô Thị Quỳnh	Như	70793	NH11DB02	6,420,000		6,420,000	
45	1154030572	Nguyễn Chân	Tri	30893	NH11DB02	6,420,000		6,420,000	
46	1154060329	Nguyễn Thị Hà	Trang	20793	NH11DB02	6,420,000		6,420,000	
47	1154030391	Ngô Thị Minh	Phượng	270493	NH11DB02	6,420,000		6,420,000	
1	1154010365	Vương Mỹ	Ngọc	280993	QT11DB01	6,420,000	6,420,000		HB 100%
2	1154010479	Vũ Minh	Sang	130993	QT11DB01	6,420,000	6,420,000		HB 100%
3	1154010232	Phạm Trần Thu	Hương	251193	QT11DB01	6,420,000	3,210,000	3,210,000	HB 50%
4	1154010419	Đinh Thị Hoàng	Oanh	101193	QT11DB01	6,420,000	3,210,000	3,210,000	HB 50%
5	1154010723	Phan Thanh	Tú	71293	QT11DB01	6,420,000	3,210,000	3,210,000	HB 50%
6	1154010729	Đặng Thu	Uyên	70593	QT11DB01	6,420,000	3,210,000	3,210,000	HB 50%
7	1154010062	Nguyễn Ngọc	Diễm	51092	QT11DB01	6,420,000	3,210,000	3,210,000	HB 50%
8	1154010025	Đặng Trung	Bá	21093	QT11DB01	6,420,000	3,210,000	3,210,000	HB 50%
9	1154010178	Nguyễn Quang	Hiên	250693	QT11DB01	6,420,000	3,210,000	3,210,000	HB 50%
10	1154010607	Huỳnh Thị Thúy	Tiên	181193	QT11DB01	6,420,000	3,210,000	3,210,000	HB 50%
11	1154010445	Lê Phan Hà	Phương	310193	QT11DB01	6,420,000	3,210,000	3,210,000	HB 50%
12	1154010474	Phạm Tố	Quỳnh	240193	QT11DB01	6,420,000	3,210,000	3,210,000	HB 50%
13	1154010238	Đỗ Xuân	Khang	290993	QT11DB01	6,420,000	3,210,000	3,210,000	HB 50%
14	1154020154	Lâm Khiết	Minh	180593	QT11DB01	6,420,000	3,210,000	3,210,000	HB 50%
15	1154010110	Nguyễn Khánh Linh	Đan	280793	QT11DB01	6,420,000	1,605,000	4,815,000	HB 25%
16	1154010468	Nguyễn Văn	Quyên	110693	QT11DB01	6,420,000	1,605,000	4,815,000	HB 25%
17	1154020101	Trần Thị Thanh	Huyền	270693	QT11DB01	6,420,000	1,605,000	4,815,000	HB 25%
18	1154010352	Hoàng Trang Bảo	Ngọc	230193	QT11DB01	6,420,000	1,605,000	4,815,000	HB 25%
19	1154010435	Lê Kim	Phúc	310892	QT11DB01	6,420,000	1,605,000	4,815,000	HB 25%
20	1154010277	Ngô Thùy	Linh	260192	QT11DB01	6,420,000	1,605,000	4,815,000	HB 25%
21	1154010604	Lê Trương Bảo	Thy	250893	QT11DB01	6,420,000	1,605,000	4,815,000	HB 25%
22	1154010765	Đoàn Nguyễn Thúy	Vy	180693	QT11DB01	6,420,000	1,605,000	4,815,000	HB 25%
23	1154010285	Trần Ngọc Thùy	Linh	231093	QT11DB01	6,420,000	1,605,000	4,815,000	HB 25%

24	1154010014	Nguyễn Thị Mai	Anh	100393	QT11DB01	6,420,000	1,605,000	4,815,000	HB 25%
25	1154010444	Lê Châu Mỹ	Phuong	130193	QT11DB01	6,420,000	1,605,000	4,815,000	HB 25%
26	1154010501	Lê Thanh	Tân	110693	QT11DB01	6,420,000	1,605,000	4,815,000	HB 25%
27	1154010220	Lê Thị	Huyền	261093	QT11DB01	6,420,000	1,605,000	4,815,000	HB 25%
28	1154010659	Huỳnh Mỹ	Trần	230393	QT11DB01	6,420,000	1,605,000	4,815,000	HB 25%
29	1054042372	Trần Hải	Thanh	290592	QT11DB01	6,420,000	1,605,000	4,815,000	HB 25%
30	1154030369	Trần Vĩnh	Phát	280993	QT11DB01	6,420,000	1,605,000	4,815,000	HB 25%
31	1154020277	Nguyễn Anh	Thư	250492	QT11DB01	6,420,000	1,605,000	4,815,000	HB 25%
32	1154020318	Châu Bảo	Trần	250493	QT11DB01	6,420,000	1,605,000	4,815,000	HB 25%
33	1154010632	Nguyễn Thái Phương	Trang	20793	QT11DB01	6,420,000	1,605,000	4,815,000	HB 25%
34	1154010297	Hà Huy	Long	141293	QT11DB01	6,420,000	1,605,000	4,815,000	HB 25%
35	1154010614	Huỳnh Duy	Tiền	81093	QT11DB01	6,420,000	1,605,000	4,815,000	HB 25%
36	1154010766	Nguyễn Thanh Thảo	Vy	11293	QT11DB01	6,420,000	1,605,000	4,815,000	HB 25%
37	1154010778	Trần Thị Hải	Yến	200593	QT11DB01	6,420,000	1,605,000	4,815,000	HB 25%
38	1154010645	Trần Thị Đài	Trang	20293	QT11DB01	6,420,000	1,605,000	4,815,000	HB 25%
39	1154010258	Đường Thượng	Kỳ	180893	QT11DB01	6,420,000	1,605,000	4,815,000	HB 25%
40	1154010030	Nguyễn Thế	Bảo	21193	QT11DB01	6,420,000		6,420,000	
41	1154010593	Phạm Thị Trúc	Thùy	230393	QT11DB01	6,420,000		6,420,000	
42	1154020226	Trần Kim	Quý	90693	QT11DB01	6,420,000		6,420,000	
43	1154040474	Nguyễn Hoàng	Son	161093	QT11DB01	6,420,000		6,420,000	
44	1154010295	Phạm Thị Hồng	Loan	230893	QT11DB01	6,420,000		6,420,000	
45	1154010660	Lê Nguyễn Bảo	Trần	300893	QT11DB01	6,420,000		6,420,000	
46	1154020118	Nguyễn Hoàng Mai	Khuê	31293	QT11DB01	6,420,000		6,420,000	
47	1154020284	Trần Thị Anh	Thy	161193	QT11DB01	6,420,000		6,420,000	
48	1154060098	Nguyễn	Hiền	121093	QT11DB01	6,420,000		6,420,000	
49	1154020189	Trương Thị ý	Nhi	180192	QT11DB01	6,420,000		6,420,000	
50	1154010287	Trần Thị Thùy	Linh	270793	QT11DB01	6,420,000		6,420,000	
51	1154010670	Trương Hải	Triều	71293	QT11DB01	6,420,000		6,420,000	
52	1154010702	Võ Thành	Trực	41193	QT11DB01	6,420,000		6,420,000	
53	1154010639	Nguyễn Thị Thùy	Trang	220293	QT11DB01	6,420,000		6,420,000	
54	1154010704	Lê Anh	Tuấn	60593	QT11DB01	6,420,000		6,420,000	
55	1154060280	Đặng Thảo	Tâm	111293	QT11DB01	6,420,000		6,420,000	
56	1154010169	Nguyễn Thị Mai	Hiền	11193	QT11DB01	6,420,000		6,420,000	
57	1154020350	Nguyễn Thị Hương	Vân	260193	QT11DB01	6,420,000		6,420,000	
58	1154010051	Hồ Quốc	Cường	91193	QT11DB01	6,420,000		6,420,000	
59	1154010088	Trần Lâm	Duy	40293	QT11DB01	6,420,000		6,420,000	
60	1154010538	Thái Thanh	Thảo	300593	QT11DB01	6,420,000		6,420,000	
61	1154010064	Trần Thị Đào	Diễm	200292	QT11DB01	6,420,000		6,420,000	
62	1154030570	Trần Tú	Trần	140793	QT11DB01	6,420,000		6,420,000	
63	1154010163	Đặng Văn	Hận	93	QT11DB01	6,420,000		6,420,000	
1	1154030067	Nguyễn Thùy	Dương	90893	TC11DB01	6,420,000	6,420,000		HB 100%
2	1154040708	Đào Diễm	Trang	310193	TC11DB01	6,420,000	6,420,000		HB 100%
3	1154020359	Trần Hồng	Vũ	290593	TC11DB01	6,420,000	3,210,000	3,210,000	HB 50%
4	1154030553	Võ Quỳnh	Trang	90593	TC11DB01	6,420,000	3,210,000	3,210,000	HB 50%
5	1154030004	Phạm Thị Thanh	An	240393	TC11DB01	6,420,000	3,210,000	3,210,000	HB 50%
6	1154030314	Nguyễn Trần Mỹ	Ngọc	80893	TC11DB01	6,420,000	3,210,000	3,210,000	HB 50%
7	1154010154	Nguyễn Thị Thúy	Hằng	160193	TC11DB01	6,420,000	3,210,000	3,210,000	HB 50%

8	1154030540	Huỳnh Thị Phương	Trang	31293	TC11DB01	6,420,000	3,210,000	3,210,000	HB 50%
9	1154020026	Sen Vĩnh	Cường	180793	TC11DB01	6,420,000	3,210,000	3,210,000	HB 50%
10	1154030370	La Quốc	Phong	30193	TC11DB01	6,420,000	3,210,000	3,210,000	HB 50%
11	1154010428	Lê Khánh	Phong	90493	TC11DB01	6,420,000	3,210,000	3,210,000	HB 50%
12	1154010207	Đỗ Thụy Kim	Hồng	120193	TC11DB01	6,420,000	3,210,000	3,210,000	HB 50%
13	1154030241	Trần Thị Mỹ	Linh	200493	TC11DB01	6,420,000	1,605,000	4,815,000	HB 25%
14	1154030354	Nguyễn Đỗ Khánh	Như	280793	TC11DB01	6,420,000	1,605,000	4,815,000	HB 25%
15	1154020163	Nguyễn Ngọc Kim	Ngân	60593	TC11DB01	6,420,000	1,605,000	4,815,000	HB 25%
16	1154030569	Phan Đình Quế	Trần	230693	TC11DB01	6,420,000	1,605,000	4,815,000	HB 25%
17	1154040598	Phạm Thị	Trang	150693	TC11DB01	6,420,000	1,605,000	4,815,000	HB 25%
18	1154020357	Trương Hữu	Vinh	270792	TC11DB01	6,420,000	1,605,000	4,815,000	HB 25%
19	1154030048	Ngô Hữu Hạnh	Dung	190693	TC11DB01	6,420,000	1,605,000	4,815,000	HB 25%
20	1154060030	Trần Lê Ngọc	Châu	180593	TC11DB01	6,420,000	1,605,000	4,815,000	HB 25%
21	1154020006	Nguyễn Phạm Quỳnh	Anh	130493	TC11DB01	6,420,000	1,605,000	4,815,000	HB 25%
22	1154030256	Đỗ Mai	Ly	160793	TC11DB01	6,420,000	1,605,000	4,815,000	HB 25%
23	1154060295	Ngô Thị Thu	Thảo	200993	TC11DB01	6,420,000	1,605,000	4,815,000	HB 25%
24	1154030325	Trần Ngọc Bảo	Nguyễn	50691	TC11DB01	6,420,000	1,605,000	4,815,000	HB 25%
25	1154030492	Trần Hoàng	Thơ	310893	TC11DB01	6,420,000	1,605,000	4,815,000	HB 25%
26	1154010677	Nguyễn Thị Lệ	Trinh	20493	TC11DB01	6,420,000	1,605,000	4,815,000	HB 25%
27	1154030144	Đào Thái	Hoàng	100393	TC11DB01	6,420,000	1,605,000	4,815,000	HB 25%
28	1154030290	Lê Thị Quỳnh	Nga	250393	TC11DB01	6,420,000	1,605,000	4,815,000	HB 25%
29	1154030223	Cao Trần Thảo	Linh	261193	TC11DB01	6,420,000	1,605,000	4,815,000	HB 25%
30	1154010523	Bùi Thị Bích	Thảo	160893	TC11DB01	6,420,000	1,605,000	4,815,000	HB 25%
31	1154060154	Nguyễn Thị Ngọc	Lành	180793	TC11DB01	6,420,000	1,605,000	4,815,000	HB 25%
32	1154010615	Lê Duy	Tiến	170293	TC11DB01	6,420,000	1,605,000	4,815,000	HB 25%
33	1154030205	Diệp Bá	Kiệt	250293	TC11DB01	6,420,000		6,420,000	
34	1154030267	Phạm Tuyết	Mai	250993	TC11DB01	6,420,000		6,420,000	
35	1154010597	Nguyễn Vương Mai	Thụy	151293	TC11DB01	6,420,000		6,420,000	
36	1154030120	Nguyễn Hà Ngọc	Hân	240192	TC11DB01	6,420,000		6,420,000	
37	1154060139	Nguyễn Thị Thu	Hương	221293	TC11DB01	6,420,000		6,420,000	
38	1154040110	Nguyễn Hoàng Thảo	Giang	160593	TC11DB01	6,420,000		6,420,000	
39	1154010329	Đặng Thị Kim	Ngân	190593	TC11DB01	6,420,000		6,420,000	
40	1154020155	Lê Nhật	Minh	180393	TC11DB01	6,420,000		6,420,000	
41	1154030349	Đặng Tiểu	Nhị	81093	TC11DB01	6,420,000		6,420,000	
42	1154020048	Nguyễn Hải	Đặng	310893	TC11DB01	6,420,000		6,420,000	
43	1154030321	Cao	Nguyễn	280293	TC11DB01	6,420,000		6,420,000	
44	1154030273	Võ Thạch	Minh	90893	TC11DB01	6,420,000		6,420,000	
45	1154020263	Trần Đạt	Thịnh	281193	TC11DB01	6,420,000		6,420,000	
46	1154030364	Văn Thị Diễm	Ny	271193	TC11DB01	6,420,000		6,420,000	
47	1154010040	Trần Nguyễn Thanh	Bình	240493	TC11DB01	6,420,000		6,420,000	
48	1154040642	Phạm Thị Thanh	Trúc	300792	TC11DB01	6,420,000		6,420,000	
49	1154030103	Ngô Tuấn	Hải	171193	TC11DB01	6,420,000		6,420,000	
50	1154020223	Phan Nguyễn Hoàng	Quyên	140893	TC11DB01	6,420,000		6,420,000	
51	1154010490	Trương Thành	Tài	310193	TC11DB01	6,420,000		6,420,000	
1	1154030577	Nguyễn Huỳnh Tố	Trinh	200293	TC11DB02	6420000	6420000		HB 100%
2	1154040029	Vũ Minh	Anh	141193	TC11DB02	6420000	6420000		HB 100%
3	1154040097	Trần Việt	Dũng	160193	TC11DB02	6420000	3210000	3,210,000	HB 50%

4	1154030562	Trương Ng~ Huỳnh	Trâm	60193	TC11DB02	6420000	3210000	3,210,000	HB 50%
5	1154030302	Trần Phan Quý	Ngân	110693	TC11DB02	6420000	3210000	3,210,000	HB 50%
6	1154030318	Trần Nguyễn Mỹ	Ngọc	60993	TC11DB02	6420000	3210000	3,210,000	HB 50%
7	1154030343	Nguyễn Thị Yến	Nhi	61193	TC11DB02	6420000	3210000	3,210,000	HB 50%
8	1154030142	Nguyễn Thị Thu	Hoài	221293	TC11DB02	6420000	3210000	3,210,000	HB 50%
9	1154030373	Lâm Xuân	Phúc	81093	TC11DB02	6420000	3210000	3,210,000	HB 50%
10	1154010497	Nguyễn Thị Thanh	Tâm	10593	TC11DB02	6420000	3210000	3,210,000	HB 50%
11	1154010605	Nguyễn Ngọc Minh	Thy	161093	TC11DB02	6420000	3210000	3,210,000	HB 50%
12	1154030263	Đào Huỳnh	Mai	161193	TC11DB02	6420000	3210000	3,210,000	HB 50%
13	1154040552	Lê Trần Thanh	Thư	41292	TC11DB02	6420000	3210000	3,210,000	HB 50%
14	1154030190	Hứa Thị Phương	Khanh	90793	TC11DB02	6420000	1605000	4,815,000	HB 25%
15	1154030247	Hà Hoàng Bảo	Lộc	180993	TC11DB02	6420000	1605000	4,815,000	HB 25%
16	1154040631	Văn	Trí	100593	TC11DB02	6420000	1605000	4,815,000	HB 25%
17	1154060315	Vũ Nguyễn Anh	Thư	291193	TC11DB02	6420000	1605000	4,815,000	HB 25%
18	1154040704	Tiêu Kim	Yến	220993	TC11DB02	6420000	1605000	4,815,000	HB 25%
19	1154030002	Nguyễn Tường	An	70993	TC11DB02	6420000	1605000	4,815,000	HB 25%
20	1154030669	Nguyễn Hoàng	Yến	10693	TC11DB02	6420000	1605000	4,815,000	HB 25%
21	1154030016	Nguyễn Việt	Bảo	241293	TC11DB02	6420000	1605000	4,815,000	HB 25%
22	1154030238	Trần Khánh	Linh	211293	TC11DB02	6420000	1605000	4,815,000	HB 25%
23	1154030207	Lê Huỳnh	Kim	211193	TC11DB02	6420000	1605000	4,815,000	HB 25%
24	1154030411	Huỳnh Đăng	Quý	230193	TC11DB02	6420000	1605000	4,815,000	HB 25%
25	1154030116	Lê Thị Phương	Hằng	180693	TC11DB02	6420000	1605000	4,815,000	HB 25%
26	1154030154	Hồ Linh	Huệ	90193	TC11DB02	6420000	1605000	4,815,000	HB 25%
27	1154030455	Dương Trang Tiểu	Thảo	270893	TC11DB02	6420000	1605000	4,815,000	HB 25%
28	1154010317	Võ Thiện	Minh	41293	TC11DB02	6420000	1605000	4,815,000	HB 25%
29	1154030653	Đoàn Lê	Vy	180293	TC11DB02	6420000	1605000	4,815,000	HB 25%
30	1154020351	Tổng Thị Thùy	Vân	100893	TC11DB02	6420000	1605000	4,815,000	HB 25%
31	1154030627	Nguyễn Đoàn Phương	Uyên	71093	TC11DB02	6420000	1605000	4,815,000	HB 25%
32	1154030078	Hoàng Thị Khánh	Điệp	50793	TC11DB02	6420000	1605000	4,815,000	HB 25%
33	1154040043	Nguyễn Thị Minh	Châu	40893	TC11DB02	6420000	1605000	4,815,000	HB 25%
34	1154030017	Phan Trần Quốc	Bảo	170493	TC11DB02	6420000	1605000	4,815,000	HB 25%
35	1154040259	Trần Thị Diệu	Lan	40393	TC11DB02	6420000		6,420,000	
36	1154040133	Vũ Duy Như	Hào	140893	TC11DB02	6420000		6,420,000	
37	1154030303	Trương Huỳnh Bằng	Ngân	131092	TC11DB02	6420000		6,420,000	
38	1154030451	Nguyễn Trần Chí	Thành	60193	TC11DB02	6420000		6,420,000	
39	1154030129	Nguyễn Thị Thanh	Hiền	11093	TC11DB02	6420000		6,420,000	
40	1154010685	Võ Huyền	Trinh	291193	TC11DB02	6420000		6,420,000	
41	1154010043	Lâm Bửu	Chi	150193	TC11DB02	6420000		6,420,000	
42	1154030006	Đỗ Thị Thảo	Anh	60893	TC11DB02	6420000		6,420,000	
43	1154030056	Đỗ Chí Anh	Duy	270893	TC11DB02	6420000		6,420,000	
44	1154010530	Ng Hoàng Phương	Thảo	310393	TC11DB02	6420000		6,420,000	
45	1154010417	Nguyễn Hà	Ny	220393	TC11DB02	6420000		6,420,000	
46	1154020228	Thái Diễm	Quỳnh	80393	TC11DB02	6420000		6,420,000	
47	1154040140	Âu Thị Thu	Hằng	200193	TC11DB02	6420000		6,420,000	
48	1154030486	Lê Phước	Thọ	240193	TC11DB02	6420000		6,420,000	
49	1154030428	Nguyễn Minh	Tài	190293	TC11DB02	6420000		6,420,000	
50	1154030365	Lưu Thị	Oanh	110693	TC11DB02	6420000		6,420,000	



51	1154040218	Nguyễn Văn	Hùng	220993	TC11DB02	6420000		6,420,000	
52	1154030237	Trần Hoàng	Linh	230192	TC11DB02	6420000		6,420,000	
53	1154030149	Lê Trung	Hòa	220793	TC11DB02	6420000		6,420,000	
54	1154030174	Nguyễn Đức	Hùng	310893	TC11DB02	6420000		6,420,000	
1	1151020424	Lê Sơn	Bình	81093	XD11DB01	5,250,000	5,250,000		HB 100%
2	1151020064	Huỳnh Hữu Minh	Đăng	100292	XD11DB01	5,250,000	5,250,000		HB 100%
3	1151020126	Nguyễn Đức Duy	Kha	20193	XD11DB01	5,250,000	2,625,000	2,625,000	HB 50%
4	1151020174	Trần Tuyết	Mai	200592	XD11DB01	5,250,000	2,625,000	2,625,000	HB 50%
5	1151020037	Chu Minh Phẩm	Cương	11293	XD11DB01	5,250,000	2,625,000	2,625,000	HB 50%
6	1151020159	Nguyễn Ngọc	Linh	20193	XD11DB01	5,250,000	2,625,000	2,625,000	HB 50%
7	1151020349	Nguyễn Duy	Toàn	150888	XD11DB01	5,250,000		3,500,000	hỗ trợ 30% HP
8	1151020024	Lê Văn	Cảnh	51192	XD11DB01	5,250,000		3,500,000	hỗ trợ 30% HP
9	1151020328	Lê Huyền	Thoại	70393	XD11DB01	5,250,000		3,500,000	hỗ trợ 30% HP
10	1151020236	Phạm Phú	Phúc	240393	XD11DB01	5,250,000		3,500,000	hỗ trợ 30% HP
11	1151020170	Trịnh Văn	Lượng	81092	XD11DB01	5,250,000		3,500,000	hỗ trợ 30% HP
12	1151020308	Trần Đắc	Thắng	191193	XD11DB01	5,250,000		3,500,000	hỗ trợ 30% HP
13	1151020142	Đặng Hữu	Khoán	40192	XD11DB01	5,250,000		3,500,000	hỗ trợ 30% HP
14	1151020052	Trương Đình	Dương	171193	XD11DB01	5,250,000		3,500,000	hỗ trợ 30% HP
15	1151020221	Phan Tấn	Phát	261193	XD11DB01	5,250,000		3,500,000	hỗ trợ 30% HP
16	1151020154	Nguyễn Thanh	Lân	110292	XD11DB01	5,250,000		3,500,000	hỗ trợ 30% HP
17	1151020105	Lê Nguyễn Quang	Hoàng	31293	XD11DB01	5,250,000		3,500,000	hỗ trợ 30% HP
18	1151020191	Nguyễn Văn	Nam	200493	XD11DB01	5,250,000		3,500,000	hỗ trợ 30% HP
19	1151020279	Nguyễn Duy Hoài	Tâm	21093	XD11DB01	5,250,000		3,500,000	hỗ trợ 30% HP
20	1151020364	Lê Cao	Trí	60793	XD11DB01	5,250,000		3,500,000	hỗ trợ 30% HP
21	1151020067	Phan Văn	Điệp	230991	XD11DB01	5,250,000		3,500,000	hỗ trợ 30% HP
22	1151020020	Trần Quốc	Bình	250693	XD11DB01	5,250,000		3,500,000	hỗ trợ 30% HP